

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 8 - 2021.

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Sanh; 2. Bà Bùi Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: ông Lý A Hờ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/ 2021/ TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/ 2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Giàng Khua X, sinh năm 1967; Có đơn xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* bà Hờ Thị S, sinh năm 1969; Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: bản N, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Giàng Khua X trình bày: ông và bà Hờ Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, giữa ông bà đã tự chia tài sản, nhà cửa, ruộng nương...và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ông X xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc, nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết cho chị được ly hôn với bà Hờ Thị S.

Về con chung: có một con chung tên Giàng A P, sinh ngày 06 tháng 09 năm 1999; đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Tại biên bản lấy lời khai bà Hồ Thị S nhất trí với ý kiến trình bày của ông X, bà thừa nhận chung sống như vợ chồng với ông Giàng Khua X từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nay ông X xin ly hôn, bà nhất trí.

Về con chung: có một con chung tên Giàng A P, sinh ngày 06 tháng 09 năm 1999; đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết
Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng pháp luật; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông X và Sầu là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông X có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Sầu có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Giàng Khua X và bà Hồ Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn, trong cuộc sống xảy ra mâu thuẫn nhưng không tự hàn gắn được, xét tình cảm của ông bà không còn, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận đề nghị của ông, bà. Xét quan hệ hôn nhân giữa hai ông bà có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình không công nhận ông Giàng Khua X và bà Hồ Thị S là vợ chồng.

[3] Về con chung: có một con chung tên Giàng A P, sinh ngày 06 tháng 09 năm 1999; đã trưởng thành..

[4] Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về án phí: Ông Giàng Khua X phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về hôn nhân gia đình.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào các Điều 28,35,39,227,228, 271,273, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Giàng Khua X và bà Hờ Thị S là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Giàng Khua X phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm dân sự về hôn nhân gia đình, xác nhận ông đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2013/03239 ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Yên Bái (*Ông X đã nộp đủ tiền án phí*).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hùng